

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ - PT.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Hà Giang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2021/TLPT-HNGĐ ngày 20/12/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2021/QĐPT - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, các quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Hoàng C, sinh năm 1972. Địa chỉ: số 4, tổ 4 (nay là tổ 3), phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nơi công tác: Bệnh Viện Mắt, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C: Ông Phạm Anh T, luật sư thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Công ty luật TNHH K, số nhà 17, ngách 171/2A, ngõ 171, phố S, quận L, thành phố Hà Nội. Ông T có mặt.

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 4, tổ 4 (nay là tổ 3), phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nơi công tác: T2 cấp III Công nghiệp V. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị G:

Ông Lê Văn T1, sinh năm 1975 và ông Bùi Văn T2, sinh năm 1977 luật sư của Công ty luật Hợp danh G, địa chỉ số 3, ngách 11, ngõ 178, phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Ông T1, ông T2 có mặt.

* **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Hoàng Thị Thanh T3, sinh năm 1942. Địa chỉ: Số nhà 160, đường H, khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.
 - Anh Hoàng Thượng M1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.
 - Anh Hoàng M2, sinh năm 1975. Địa chỉ: số nhà 160, đường H, khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).
 - Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 16c, khu 9, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.
 - Chị Hoàng N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số nhà 276/11/27 Trịnh Đình Trọng, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.
 - Anh Trần Minh T4, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số nhà 74, Nguyễn Viết Xuân, phường Đ, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.
 - Chị Mai Thị Kim N1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu Tây Tiến 1, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.
 - Anh Đặng Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số nhà 35, Ngõ Hàng Lọng, phường N, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
 - Anh Hà Khánh N2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số nhà 122, đường Nam, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.
 - Anh Nguyễn Trọng B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà 117, phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hương G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Anh Hoàng C trình bày:*** Anh và chị Nguyễn Thị Hương G đăng ký kết hôn ngày 04/3/2006 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2012, anh đã viết đơn xin ly hôn, sau đó rút đơn để vợ chồng về nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Hương G.

Về con chung: Anh và chị G có hai con chung là cháu Hoàng D, sinh ngày 23/4/2007 và cháu Hoàng Phương C, sinh ngày 07/5/2009. Khi ly hôn anh xin nuôi hai con chung, nếu chị G cũng xin nuôi con thì mỗi người nuôi một con, anh nuôi con nào cũng được. Khi nuôi con anh không đề nghị chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị G có tài sản là 01 xe ô tô Mazda CX5 biển kiểm soát 19A-053.30; 01 xe ô tô Mazda 2S biển kiểm soát 19A-08055; 01 thửa đất số: 1243 tờ bản đồ số 36 diện tích 92,3m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú

Thọ; 01 nhà hai tầng làm phòng khám mắt xây trên thửa đất của bố mẹ anh là ông Hoàng Kim P bà Hoàng Thị Thanh T3 ở khu 7 (nay là khu Đoàn Kết), thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; trang thiết bị phòng khám mắt gồm có: Máy mài kính tự động, Gọng thử kính, Máy mài kính bằng tay, Máy sê cước, Máy khoan kính + sê rãnh, Máy đo công suất kính tự động, Máy hơi kính nắn gọng, kéo cắt đường kính Nhật, chân máy điều khiển của Trung Quốc, Kim găm, nắn gọng kính, Bảng thử thị lực hộp điện, Bàn tiểu phẫu, Bàn tit, Hộp tròn Inox, Ghế tròn Inox, Ghế tròn Inox to, SHV phẫu thuật + thùng, Đèn gù, Nồi hấp, Tủ sấy, Tủ thuốc, Bình oxy, Huyết áp + ống nghe, Quả đèn, Cốc Inox, Kéo + fanh, Bộ đo nhãn áp, Tủ đựng vật liệu, Biển bảng hiệu, Quạt treo tường, Chân máy SHV khám, SHV khám, Bộ thông lệ đạo, Quạt lắp ở phòng bệnh nhân, Thuốc pazăng, Hòm đựng máy siêu âm, Máy Java, Máy hút ẩm, Máy tính xách tay, Điều hoà phòng kính, Máy tính bàn + máy in, Chân máy Java, Điều hoà Daikin 12000PTU, Đóng bàn quây kính, Máy nước nóng lạnh, Điều hoà Panasonic 12000PTU, Máy hút ẩm, Tivi TCL 40inh, Bộ thử kính, Điều hoà lắp ở phòng mổ. Một số tài sản là trang thiết bị trong phòng khám hiện nay không còn do bị hỏng, hết khấu hao, vật tự tiêu hao và các phụ phí không tính là tài sản; 01 ngôi nhà 05 tầng 01 tum xây trên thửa đất số 280 và thửa đất số 276 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là tài sản riêng của anh; Ngôi nhà này, khi xây mục đích làm phòng khám, nguồn tiền chi phí xây dựng là do tiết kiệm từ trước mà có và vay một số người theo hình thức góp vốn. Trong quá trình xây nhà thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh không mở làm phòng khám. Anh tiếp tục xây cho hoàn thành, sau khi xây xong, anh đã bán nhà cùng các tài sản trong nhà gồm bàn ghế, ti vi, tủ lạnh, điều hoà, quạt trần, giường, bàn làm việc lấy tiền trả nợ; Đối với máy khúc xạ tự động loại máy URK-800 và máy phẫu thuật Phaco loại máy CataRhex là anh thuê của anh Tiến và mượn của anh Hùng để chạy demo nhưng hiện nay anh đã trả lại anh Tiến và anh Hùng. Đối với tiền, vàng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng do lâu ngày nên anh không nhớ. Quây thuốc và quây kính mắt ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ, anh và anh Đô anh đã nhận lại 16.200.000 đồng, anh Đô nhận lại 10.800.000 đồng vốn góp. Anh đề nghị, khi ly hôn anh và chị G mỗi người được $\frac{1}{2}$ tài sản, anh không đề nghị giải quyết công sức đóng góp của anh đối với tài sản chung.

Về tài sản riêng, anh C xác định có: Thửa đất số 280 và thửa đất số 276 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; thửa đất số 184 tại đường Châu Phong, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã được anh và chị G lập hợp đồng công chứng thỏa thuận là tài sản riêng của anh; thửa đất số 298 diện tích 60m² (nhà xây trên đất) tại tổ 12 (nay là tổ 4) khu T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đối với số tài sản riêng này anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nếu chị G phải thanh toán lại cho anh thì anh không đề nghị chị G phải thanh toán lại.

Về nợ chung: Anh có vay nợ một số người để xây nhà, sau khi bán nhà anh đã trả nợ hết, nay không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp gia đình: Anh và chị G không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn chị Nguyễn Thị Hương G trình bày:** Chị và Anh Hoàng C đăng ký kết hôn ngày 04/3/2006 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng luôn xảy ra nhiều chuyện lục đục, bất hòa. Nguyên nhân chính là do anh C. Vợ chồng đã không quan tâm đến nhau, sống ly thân từ tháng 3/2018, anh C đã ra ở riêng tại ngôi nhà mới số: 472, tổ 7, khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nay chị thấy bản thân chị cùng các con không được tôn trọng, không được yêu thương, cứ sống như thế này các con tổn thương nghiêm trọng về mặt tinh thần nên chị đồng ý ly hôn với Anh Hoàng C. Chị và anh C có hai con chung là cháu Hoàng D, sinh ngày 23/4/2007 và cháu Hoàng Phương C, sinh ngày 07/5/2009. Hiện nay hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị và anh C có tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển kiểm soát 19A-053.30; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển kiểm soát 19A-080.55; Thửa đất số 1243 diện tích 92,3m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; 01 nhà hai tầng làm phòng khám mắt xây trên thửa đất của bố mẹ đẻ anh C là ông Hoàng Kim P, bà Hoàng Thị Thanh Thủy tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Hiệu thuốc; Trang thiết bị phòng khám trong ngôi nhà hai tầng xây trên đất của bố mẹ đẻ anh C gồm có: Máy mài kính tự động, Gọng thử kính, Máy mài kính bằng tay, Máy sê cươc, Máy khoan kính + sê rãnh, Máy đo công suất kính tự động, Máy hơi kính nắn gọng, Kéo cắt dưỡng kính Nhật, Chân máy điều khiển của Trung Quốc, Kim gặm, nắn gọng kính, Bảng thử thị lực hộp điện, Bàn tiểu phẫu, Bàn tit, Hộp tròn Inoc, Ghế tròn Inox, Ghế tròn Inox loại to, SHV phẫu thuật + thùng, Đèn gù, Nồi hấp, Tủ sấy, Tủ thuốc, Bình oxy, Huyết áp + ống nghe, Quả đèn, Cốc Inox, Kéo + fanh, Bộ đo nhãn áp, Tủ đựng vật liệu, Biển bảng hiệu, Quạt treo tường, Chân máy SHV khám, SHV khám, Bộ thông lệ đạo, Quạt lắp ở phòng bệnh nhân, Thuốc pazăng, Hòm đựng máy siêu âm, Máy Java, Máy hút ẩm, Máy tính xách tay, Điều hoà phòng kính, Máy tính bàn + máy in, Chân máy Java, Điều hoà Daikin 12000PTU, Đóng bàn quầy kính, Máy nước nóng lạnh, Điều hoà Panasonic 12000PTU, Máy hút ẩm, Tivi TCL 40inh, Bộ thử kính, Điều hoà lắp ở phòng mổ. Ngoài những tài sản trên, chị và anh C còn có tài sản chung gồm: thửa đất số 280 tờ bản đồ số 36 diện tích 82,9 m²; thửa đất số 276 tờ bản đồ số 36 diện tích 107m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh C, trên hai thửa đất này có ngôi nhà 06 tầng; Thửa đất số 184 tờ bản đồ số 35 diện tích 72m² tại đường Châu Phong, phường Dữu Lâu, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh C; 01 máy khúc xạ tự động loại máy URK-800 và 01 máy phẫu thuật Phaco loại máy CataRhex. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết tài sản theo quy định của pháp luật. Đối với thửa đất số 298 tờ bản đồ số 36 diện tích 60m² và ngôi nhà xây trên đất tại tổ 12 (nay là tổ 4), khu T, phường T,

thành phố V, tỉnh Phú Thọ là tài sản riêng của anh C nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Hoàng Thị Thanh T3 trình bày: Bà và ông Hoàng Kim P (chết năm 2006) là vợ chồng, có tài sản chung là thửa đất số 90⁻⁷ tờ bản đồ số 23 diện tích 1576,9m² tại khu 7 (nay là khu Đoàn Kết), thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/2003 đứng tên người sử dụng hộ ông Hoàng Kim P. Cuối năm 2007, Anh Hoàng C là con trai bà đã mượn thửa đất này để xây dựng phòng khám mắt, đến năm 2017 mở thêm quầy bán thuốc. Đến nay, bà xác định thửa đất này vẫn thuộc quyền sử dụng của bà. Nay anh C và chị G ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết tài sản của anh C và chị G là ngôi nhà 2 tầng xây trên đất và những tài sản trong nhà, còn diện tích đất là của bà.

- Anh Hoàng M2 trình bày: Bố mẹ anh là ông Hoàng Kim P bà Hoàng Thị Thanh T3. Hiện nay bố anh đã chết. Bố mẹ anh có thửa đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã cho anh C mượn một phần diện đất để xây nhà hai tầng làm phòng khám. Nay anh C chị G ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết phòng khám của anh C theo quy định của pháp luật, còn thửa đất là của bố mẹ anh.

- Anh Hoàng Thượng M1 trình bày: Anh là anh trai của anh C nên mối quan hệ với Anh Hoàng C là hai anh em. Ngày 25/11/2017 anh đã cho anh C vay 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay là một năm. Đến ngày 06/01/2019 anh C đã trả lại anh 700.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh C chị G ly hôn, quan điểm của anh là anh C đã trả tiền cho anh nên không liên quan gì đến vụ án.

- Anh Hoàng Văn Đ trình bày: Anh và Anh Hoàng C cùng công tác tại Bệnh viện mắt tỉnh Phú Thọ. Năm 2007, anh C có mở một phòng khám mắt tại khu 7 (nay là khu Đoàn Kết), thị trấn Sông Thao (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau đó anh và anh C cùng bỏ tiền ra để mua sắm thiết bị phòng khám để kinh doanh với tổng giá trị 395.383.000 đồng, vốn của anh góp để kinh doanh là 40%, anh C là 60%. Hội đồng định giá đã định giá toàn bộ trang thiết bị phòng khám là đồng, anh nhất trí không có ý kiến gì về kết quả định giá. Quá trình hoạt động, một số tài sản trong phòng khám bị hỏng, hết khấu hao không còn nên phải thuê để kinh doanh và mượn để chạy demo, hiện đã trả. Đối với quầy thuốc và quầy kính mắt, anh và anh C không còn kinh doanh nên đã thanh toán vốn góp cho nhau, anh nhận lại 10.800.000 đồng, anh C nhận lại 16.200.000 đồng. Nay anh C chị G ly hôn, đề nghị không chia phần tài sản mà anh góp vốn, vì toàn bộ tài sản này không phải là của chung anh C chị G.

- Chị Hoàng N trình bày: Ngày 02/11/2018, anh C và chị đã lập hợp đồng công chứng để Anh Hoàng C chuyển nhượng cho chị 03 thửa đất, gồm thửa đất số 280 tờ bản đồ số 36 diện tích 82,9m² và thửa đất số 276 tờ bản đồ số 36 diện tích 107m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, trên hai thửa đất này đã

xây ngôi nhà 06 tầng; Thửa đất số 184 tờ bản đồ số 35 diện tích 72m² tại đường Châu Phong, phường Dữu Lâu, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Cả ba thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh C. Nay vợ chồng anh C chị G ly hôn mà chị G đề nghị giải quyết những tài sản này thì chị không nhất trí.

- Anh Hoàng Trọng Bân trình bày: Tháng 10/2017 anh đã đồng ý cho anh C vay 800.000.000 đồng mục đích đầu tư. Thời gian sau anh đã thay đổi mục đích đầu tư, nên anh C đã trả lại anh 800.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh C chị G ly hôn, quan điểm của anh là không liên quan đến vụ án vì anh C đã trả đủ tiền.

- Anh Hà Khánh N2 trình bày: Anh và Anh Hoàng C, có bàn bạc trao đổi về việc anh góp vốn 750.000.000 mở phòng khám mắt tại thành phố V. Sau khi góp vốn, phòng khám không thể triển khai hoạt động được nên anh C đã trả lại anh 750.000.000 đồng. Nay anh C và chị G ly hôn thì quan điểm của anh là không liên quan đến vụ án vì anh C đã trả lại tiền cho anh.

- Anh Đặng Văn H trình bày: Anh là cửa hàng kính mắt và thiết bị y tế Mạnh Hùng Ngày 15/11/2019 anh và anh C ký hợp đồng cho mượn tài sản, bên cho mượn là cửa hàng kính mắt và thiết bị y tế Mạnh Hùng do anh làm chủ, bên mượn là Anh Hoàng C. Nội dung của hợp đồng là anh cho anh C mượn máy khúc xạ tự động (chạy demo), loại máy URK-800, số máy SNK8NFB0B, năm sản xuất 2014, nước sản xuất là Korea. Thời hạn cho mượn là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Ngày 29/5/2020 anh C đã trả lại anh.

- Anh Trần Minh T4 trình bày: Anh là Bác sĩ nên mối quan hệ giữa anh và Anh Hoàng C là đồng nghiệp. Hiện nay anh đang mở phòng khám chuyên khoa mắt tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Tháng 5/2016 anh C có nhu cầu mở phòng khám tại Phú Thọ nhưng chưa có điều kiện mua máy PHACO, anh đồng ý cho anh C thuê máy của anh mỗi khi cần, giá thuê là 2.500.000 đồng/một lần thuê. Máy cho anh C thuê là CataRhex, số máy VC820100SPSN39590144 của Thụy Sĩ sản xuất năm 2009. Hiện nay anh đã nhận lại máy và anh C đã thanh toán đủ tiền cho anh. Nay vợ chồng anh C chị G ly hôn, chị G xác định chiếc máy này là tài sản của vợ chồng anh C chị G thì anh không đồng ý.

- Chị Mai Thị Kim N1 trình bày: Tháng 7/2017 anh C có đặt vấn đề mượn bằng và chứng chỉ hành nghề dược của chị để mở quầy thuốc. Chị đã đồng ý cho anh C mượn chứng chỉ hành nghề dược để làm thủ tục mở quầy thuốc. Mọi công việc kinh doanh, vốn quầy thuốc là do anh C chịu trách nhiệm hoàn toàn. Nay anh C chị G ly hôn, quan điểm của chị là không liên quan đến vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Anh Hoàng C là Ông Phạm Anh T trình bày: Anh Hoàng C và chị Nguyễn Thị Hương G đăng ký kết hôn năm 2006, khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên bất đồng quan điểm, liên tục cãi vã nên cuộc sống hôn nhân và gia đình lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh C và chị G có hai con

chung là cháu Hoàng D, sinh ngày 23/4/2007 và cháu Hoàng Phương C, sinh ngày 07/5/2009. Cháu D nguyện vọng được ở với anh C, cháu C nguyện vọng được ở với chị G. Anh C và chị G có tài sản chung là xe ô tô Mazda CX5 biển kiểm soát 19A-053.30; chiếc xe ô tô Mazda 2S biển kiểm soát 19A-080.55; quyền sử dụng đất 92,3m² tại khu 9, phường N; phòng khám tại huyện C; trang thiết bị phòng khám. Chị G đề nghị đưa một số tài sản riêng của anh C vào giải quyết là không có căn cứ, vì tất cả các tài sản là quyền sử dụng đất anh C nhận chuyển nhượng là công khai minh bạch, bằng tài sản riêng của anh C, anh C và chị G đều lập văn bản thoả thuận về tài sản được công chứng theo quy định của pháp luật, khi lập văn bản thoả thuận là chị G tự nguyện và có năng lực hành vi dân sự. Hiện nay những tài sản riêng của anh C là quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho chị Hoàng N. Theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, tài sản riêng của vợ, chồng thuộc quyền sở hữu của người đó, trừ T2 hợp tài sản riêng đã nhập vào tài sản chung theo quy định của luật này. Trong vụ án này anh C không có bất cứ một văn bản nào để nhập khối tài sản của mình vào chung với chị G nên đó là tài sản riêng của anh C. Cũng theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về chia quyền sử dụng đất của vợ chồng khi ly hôn, quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bên nào thì khi ly hôn vẫn thuộc về bên đó.

Căn cứ Điều 6, Điều 51, Điều 56, Điều 43, khoản 2, khoản 4 Điều 59, khoản 1 Điều 62, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 8 tiết 1a Nghị quyết 02/2000/NQ-TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Hoàng C được ly hôn chị Nguyễn Thị Hương G; chấp nhận cho anh C được nuôi cháu Hoàng D. Về tài sản chung là xe ô tô Mazda CX5 biển kiểm soát 19A-053.30 và chiếc xe ô tô Mazda 2S biển kiểm soát 19A-080.55; quyền sử dụng đất 92,3m² tại khu 9, phường N; phòng khám mắt tại huyện C; trang thiết bị phòng khám đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; không chấp nhận ý kiến của chị G đưa ra các tài sản riêng của anh C vào để giải quyết trong vụ án này.

* Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

1. Căn cứ Điều 33; Điều 55; Điều 59; Điều 62; Điều 63; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2, khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Hoàng C về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị Hương G. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Hoàng C và chị Nguyễn Thị Hương G.

3. Về con chung. Giao con chung là cháu Hoàng D, sinh ngày 23/4/2007 cho Anh Hoàng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là

cháu Hoàng Phương C, sinh ngày 07/5/2009 cho chị Nguyễn Thị Hương G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và chi phí tố tụng.

Giao cho Anh Hoàng C sở hữu 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 biển kiểm soát 19A-053.30 đăng ký tên Anh Hoàng C (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010891, Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/9/2013) trị giá 370.000.000 đồng; 01 ngôi nhà hai tầng làm phòng khám mắt xây trên thửa đất số 90⁻⁷ tờ bản đồ số 23 tại khu 7 (nay là khu Đoàn Kết), thị trấn Sông Thao (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ của bố mẹ đẻ anh C là ông Hoàng Kim P bà Hoàng Thị Thanh T3 trị giá 274.000.000 đồng và mái tôn lợp phía trước nhà trị giá 3.600.000 đồng; 60% phần vốn góp giữa Anh Hoàng C và anh Hoàng Văn Đ của toàn bộ trang thiết bị phòng khám mắt tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ là 45.501.000 đồng; số tiền Anh Hoàng C bán ngôi nhà 05 tầng 01 tum xây trên thửa đất số 280 và thửa đất số 276 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là 1.022.525.000 đồng; số tiền trị giá tài sản là đồ dùng sinh hoạt đang để trong ngôi nhà 05 tầng 01 tum xây trên thửa đất số 280 và thửa đất số 276 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là 135.000.000 đồng; số tiền chia tài sản chung là quây thuốc và quây kính mắt tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ giữa Anh Hoàng C và anh Nguyễn Văn Đô là 16.200.000 đồng.

Giao cho chị Nguyễn Thị Hương Giang sở hữu, sử dụng 01 thửa đất số 1243 tờ bản đồ số 36 diện tích 92,3m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 042878 của UBND thành phố V cấp ngày 16/02/2017 đứng tên người sử dụng Anh Hoàng C, chị Nguyễn Thị Hương G) trị giá 1.107.600.000 đồng; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 2S biển kiểm soát 19A-080.55 đăng ký tên chị Nguyễn Thị Hương G (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003683, Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/01/2015) trị giá 320.000.000 đồng. Khi án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Hương G liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh Hoàng C phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Hương G là 219.613.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng).

Buộc Anh Hoàng C phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Xác nhận Anh Hoàng C đã nộp xong số tiền này.

Buộc chị Nguyễn Thị Hương G phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị Hương G đã nộp xong số tiền này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác.

Kháng cáo: Ngày 15/11/2021, chị G gửi đơn kháng cáo cho Tòa án nhân dân thành phố V với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị G đề nghị: Về quan hệ hôn nhân, xin được đoàn tụ. Về con chung, xin được nuôi cả hai con chung. Về tài sản chung đề nghị xem xét công nhận quyền sử dụng 9,3m² đất trị giá 297.600.000đ (hai trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân do không thuộc phạm vi tài sản riêng của anh C để phân chia cho hai vợ chồng theo quy định trên nguyên tắc 50/50. Đồng thời đề nghị xác định số tiền 2.250.000.000đ mà anh C đã vay, trả là nợ riêng của anh C không phải là nợ chung để tính lại giá trị tài sản chung để chia lại. Ngoài ra không đề nghị nội dung nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C và chị G thống nhất được về phần tài sản chung, anh C đề nghị thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị G là 1.493.413.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung kháng cáo: đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hương G.

Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Hương G và Anh Hoàng C về tài sản.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ-ST ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử Anh Hoàng C ly hôn chị Nguyễn Thị Hương G.

- Về con chung: Xác định Anh Hoàng C và chị Nguyễn Thị Hương G có 02 con chung cháu Hoàng D - Sinh ngày 23/4/2007 và Hoàng Phương C - Sinh ngày 07/5/2009. Giao Anh Hoàng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng D. Giao chị Nguyễn Thị Hương G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Phương C.

- Về tài sản chung: Công nhận Anh Hoàng C và chị Nguyễn Thị Hương G có tài sản chung có giá trị là 5.842.026.000đ. Công nhận thỏa thuận của anh C, chị G

về tài sản như sau:

+ Anh Hoàng C sở hữu tài sản có tổng giá trị là 4.414.426.000đ, trong đó: 01 ngôi nhà hai tầng làm phòng khám mắt xây trên thửa đất của bố mẹ đẻ anh C là ông Hoàng Kim P và bà Hoàng Thị Thanh T3 tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ trị giá 274.000.000 đồng và mái tôn lợp phía trước ngôi nhà hai tầng trị giá 3.600.000đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 biển kiểm soát 19A-053.30 trị giá 370.000.000 đồng; đồ dùng sinh hoạt có tổng giá trị 135.000.000 đồng đang để trong ngôi nhà 05 tầng 01 tum tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ gồm: 01 bình năng lượng mặt trời, 01 bộ bàn ghế ngồi uống nước bằng gỗ hương, 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Electrolux, 01 ti vi SamSung 55inh, 03 giường ngủ bằng gỗ, 03 tủ đựng quần áo làm bằng gỗ công nghiệp, 03 bàn làm việc bằng gỗ công nghiệp, 01 kệ để ti vi, 02 quạt trần loại Panasonic; số tiền anh C đang quản lý, sử dụng: vốn góp giữa anh C và anh Đô đối với toàn bộ trang thiết bị phòng khám mắt là 45.501.000 đồng; số tiền anh C đã nhận lại sau khi phân chia tài sản với anh Đô là quầy thuốc và quầy kính mắt ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ là 16.200.000 đồng; giá trị của 9,3m² của thửa đất số 280, tờ bản đồ 36 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là 297.600.000đ (thửa đất này anh C đã bán).

+ Chị Nguyễn Thị Hương G sở hữu tài sản có tổng giá trị là: 1.427.600.000đ. Trong đó: Thửa đất số 1243 tờ bản đồ số 36 diện tích 92,3m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trị giá 1.107.600.000 đồng và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển kiểm soát 19A-080.55 trị giá 320.000.000 đồng.

Anh Hoàng C phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Hương G là 1.493.413.000 đồng.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không giải quyết.

Anh Hoàng C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Hương G và Anh Hoàng C phải chịu án phí chia tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của chị G trong thời hạn luật định, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo của chị G, hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân.

Anh Hoàng C và chị G đăng ký kết hôn ngày 04/3/2006 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ, khi kết hôn có đủ điều kiện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tại tòa án các cấp, hai anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống anh C và chị G xảy ra mâu thuẫn. Tại cấp sơ thẩm, anh C và chị G thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C vẫn giữ quan điểm xin ly

hôn, chị G đề nghị vì con nên xin được đoàn tụ, anh C không nhất trí. Xét thấy: trên thực tế hai anh chị không còn tình cảm quan tâm, trách nhiệm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay được cả hai bên thừa nhận. Theo đó cho thấy, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Hoàng C và chị Nguyễn Thị Hương G là phù hợp với điều 55 luật hôn nhân và gia đình. Đến nay chị G xin đoàn tụ, xong không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Anh C và chị G có 02 con chung là cháu Hoàng D - sinh ngày 23/4/2007 và Hoàng Phương C - sinh ngày 07/5/2009. Tại phiên tòa, anh C, chị G đều đề nghị được nuôi cả hai con chung, nguyện vọng được nuôi con chung của anh chị là chính đáng phù hợp với pháp luật và đạo lý cần được chấp nhận. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của con chung thì cần xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của con, về điều kiện chăm sóc con của từng người. Anh C và chị G đều có đầy đủ điều kiện vật chất và tinh thần để nuôi con, tại cấp sơ thẩm cháu D có nguyện vọng được ở với anh C, còn cháu C nguyện vọng ở với chị G. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu D cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị G chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81 luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, đề nghị của chị G không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Về cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh C và chị G đều có thu nhập ổn định, Tòa án đã quyết định mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung:

[2.3.1]. Tài sản anh C, chị G thống nhất được gồm:

- 01 thửa đất số: 1243 tờ bản đồ số 36 diện tích 92,3 m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trị giá 1.107.600.000đ;
- 9,3 m² đất đã hợp thửa vào thửa đất số 280, tờ bản đồ 36 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trị giá 297.600.000đ;
- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 biển kiểm soát 19A-053.30 đăng ký tên Anh Hoàng C trị giá 370.000.000đ;
- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 2S biển kiểm soát 19A-080.55 đăng ký tên chị Nguyễn Thị Hương G trị giá 320.000.000đ;
- 01 nhà hai tầng làm phòng khám mắt xây trên thửa đất số 90⁻⁷ tờ bản đồ số 23 tại khu 7 (nay là khu Đoàn Kết), thị trấn Sông Thao (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ của bố mẹ đẻ anh C là ông Hoàng Kim P, bà Hoàng Thị Thanh T3 trị giá 274.000.000đ và mái tôn lợp phía trước nhà trị giá 3.600.000đ;
- Trang thiết bị phòng khám mắt tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ anh C góp chung kinh doanh với anh Đô trong đó anh C đóng 60% vốn góp gồm: Máy mài kính tự động, Gọng thử kính, Máy mài kính bằng tay, Máy sũa cườ, Máy khoan kính + sũa rãnh, Máy đo công suất kính tự động, Máy hơ kính nắn gọng,

Kéo cắt dưỡng kính Nhật, Chân máy điều khiển của Trung Quốc, Kim găm, nắn gong kính, Bảng thử thị lực hộp điện, Bàn tiểu phẫu, Bàn tit, Hộp tròn Inoc, Ghế tròn Inoc, Ghế tròn Inoc to, SHV phẫu thuật + thùng, Đèn gù, Nồi hấp, Tủ sấy, Tủ thuốc, Bình oxy, Huyết áp + ống nghe, Quả đèn, Cốc Inoc, Kéo + fanh, Bộ đo nhãn áp, Tủ đựng vật liệu, Biển bảng hiệu, Quạt treo tường, Chân máy SHV khám, SHV khám, Bộ thông lệ đạo, Quạt lắp ở phòng bệnh nhân, Thuốc pazang, Hòm đựng máy siêu âm, Máy Java, Máy hút âm, Máy tính xách tay, Điều hoà phòng kính, Máy tính bàn + máy in, Chân máy Java, Điều hoà Daikin 12000PTU, Đóng bàn quay kính, Máy nước nóng lạnh, Điều hoà Panasonic 12000PTU, Máy hút âm, Tivi TCL 40inch, Bộ thử kính, Điều hoà lắp ở phòng mổ. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá 75.835.000 đồng nên phần tài sản chung của anh C và chị G trong phần vốn góp với anh Đô trị giá 45.501.000 đồng tương đương với 60% vốn góp.

- Trị giá ngôi nhà 05 tầng 01 tum xây trên hai thửa đất số 280 và thửa đất số 276, tờ bản đồ 36 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ anh C đã bán là 3.272.525.000 đồng: Ngôi nhà này anh C xác định đã chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất cho chị Hoàng N nhưng cả anh C và chị G đều xác định số tiền bán nhà là tài sản chung của anh C và chị G, hiện anh C đang quản lý số tiền này.

- 16.200.000 đồng do anh C đang quản lý là trị giá phần vốn góp của anh C và anh Đô đối với quầy thuốc, quầy kính mắt ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay, anh C và anh Đô không kinh doanh nên đã thỏa thuận phân chia anh C đã nhận lại là 16.200.000 đồng, anh Đô nhận lại là 10.800.000 đồng.

- Tài sản là đồ dùng sinh hoạt có tổng giá trị 135.000.000 đồng đang để trong ngôi nhà 05 tầng 01 tum tại Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ gồm: 01 bình năng lượng mặt trời, 01 bộ bàn ghế ngồi uống nước bằng gỗ hương, 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Electrolux, 01 ti vi Samsung 55inch, 03 giường ngủ bằng gỗ, 03 tủ đựng quần áo làm bằng gỗ công nghiệp, 03 bàn làm việc bằng gỗ công nghiệp, 01 kệ để ti vi, 02 quạt trần loại Panasonic.

Cấp sơ thẩm xác định số tiền 2.250.000.000 đồng anh C vay và đã trả anh Hoàng Thượng M1, anh Nguyễn Trọng B và anh Hà Khánh N2 là nợ chung. Tại cấp phúc thẩm, anh C, chị G thỏa thuận không phải nợ chung của vợ chồng nên đến nay xác định tổng giá trị tài sản chung của anh C, chị G là 5.842.026.000đ.

[2.3.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C và chị G thống nhất được về chia tài sản và thanh toán chênh lệch tài sản mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản chung là 2.921.013.000đ.cụ thể như sau:

- Anh C sở hữu tài sản gồm: 01 ngôi nhà hai tầng làm phòng khám mắt xây trên thửa đất của bố mẹ đẻ anh C là ông Phác, bà Thủy tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ trị giá 274.000.000 đồng và mái tôn lợp phía trước ngôi nhà hai tầng trị giá 3.600.000 đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 biển kiểm soát 19A-053.30 trị giá 370.000.000 đồng; Đồ dùng sinh hoạt có tổng giá trị 135.000.000 đồng đang để trong ngôi nhà 05 tầng 01 tum: Gồm 01 bình năng lượng mặt trời, 01 bộ bàn ghế ngồi uống nước bằng gỗ hương, 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt

Electrolux, 01 ti vi SamSung 55inh, 03 giường ngủ bằng gỗ, 03 tủ đựng quần áo làm bằng gỗ công nghiệp, 03 bàn làm việc bằng gỗ công nghiệp, 01 kệ để ti vi, 02 quạt trần loại Panasonic; Số tiền anh C đang quản lý từ việc phân chia tài sản là vốn góp và số tiền đã bán tài sản chung là: 60% vốn góp giữa anh C và anh Đô đối với toàn bộ trang thiết bị phòng khám mắt là 45.501.000 đồng; số tiền anh C đã nhận lại sau khi phân chia tài sản với anh Đô là quầy thuốc và quầy kính mắt ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ là 16.200.000 đồng; số tiền 297.600.000đ trị giá của quyền sử dụng 9,3 m² đã hợp thửa vào thửa đất số 280, tờ bản đồ 36 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (thửa đất này anh C đã bán, tiền do anh C quản lý);

- Chị G sở hữu, tài sản gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển kiểm soát 19A-080.55 trị giá 320.000.000 đồng; quyền sử dụng đối với thửa đất số 1243 tờ bản đồ số 36 diện tích 92,3m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trị giá 1.107.600.000 đồng.

Đối với số tiền 3.272.525.000 đồng anh C đã bán ngôi nhà 05 tầng 01 tum xây trên hai thửa đất số 280 và thửa đất số 276, tờ bản đồ 36 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, hiện đang do anh C quản lý. Sau khi đối trừ các tài sản được giao sở hữu, quyền sử dụng đất như đã nêu trên anh C và chị G thống nhất anh C thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị G tổng số 1.493.413.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng), anh C được quyền sở hữu số tiền còn lại 1.779.112.000 đồng.

[2.3.3]. Về các tài sản khác:

- Thửa đất số 857 tờ bản đồ số 31 diện tích 207,0m² tại Bảng 2 đường Quang Trung, phường Dữu Lâu, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 110 tờ bản đồ số 37 diện tích 112,2 m² tại khu nhà ở liền kề - Dự án Tự Lập, phường Minh Nông, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, chị G không đề nghị Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

- Đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ 36 diện tích 82,9 m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ mà anh C đã bán trong đó 73,6m² là tài sản riêng của anh C nên thuộc quyền sử dụng của anh C, còn 9,3m² tại cấp phúc thẩm anh C, chị G thống nhất là tài sản chung, đây là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần ghi nhận.

- Đối với thửa đất số 276, tờ bản đồ 36 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; thửa đất số 184, tờ bản đồ 35 tại đường Châu Phong, phường Dữu Lâu, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Anh Hoàng C, anh C đã bán; chị G xác định đây là tài sản riêng của anh C, tại phiên tòa phúc thẩm chị G không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

- Đối với máy khúc xạ tự động loại máy URK-800 và máy phẫu thuật Phaco loại máy CataRhex của phòng khám mắt, tại phiên tòa phúc thẩm anh chị không tranh chấp về tài sản này nên không xem xét là phù hợp.

- Tại cấp sơ thẩm chị G cho rằng, anh C có tiền và vàng gửi tiết kiệm tại Ngân

hàng thương mại cổ phần Đầu tư Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ; Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phú Thọ; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Thọ và Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương. Tại tòa phúc thẩm chị cũng thừa nhận đã rút về đưa anh C. Xét thấy, tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Tại cấp Phúc thẩm, anh C và chị G đều không đề nghị nên không xem xét.

- Đối với thửa đất số 298 diện tích 60m² và ngôi nhà xây trên đất tại tổ 12 (nay là tổ 4) khu T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, anh C và chị G đều xác định là tài sản riêng của anh C nên không giải quyết.

[2.3.4]. Về nợ chung, nợ riêng: Anh C và chị G xác định hiện tại không nợ ai nên không giải quyết nợ chung, nợ riêng là phù hợp.

[3]. Từ những phân tích tại mục [2] cho thấy, tại cấp phúc thẩm do anh C chị G thống nhất thỏa thuận về phân chia tài sản chung việc thỏa thuận của các anh chị không trái với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận. Theo đó, một phần kháng cáo của chị G được chấp nhận. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc là phù hợp nên cần sửa 01 phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V do có tình tiết mới.

[4] Về quyền lưu cư: xét thấy sau khi ly hôn chị G không có chỗ ở mới nên được lưu cư tại ngôi nhà của anh C ở tổ 4 (nay là tổ 3), phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về chi phí tố tụng: Anh C và chị G đều nhất trí với phần quyết định của bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì nên cần giữ nguyên.

[6]. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C và chị G mỗi người phải chịu toàn bộ án phí tương ứng với tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí ly hôn phúc thẩm: Do 01 phần kháng cáo của chị G được chấp nhận, sửa 01 phần bản án sơ thẩm nên chị G không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự. Chấp nhận 01 phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hương G. Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2021/HNGĐ - ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ về phần tài sản chung.

[1]. Căn cứ vào Điều 33; Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 63; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Hoàng C về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị Hương G.

Xử: cho Anh Hoàng C ly hôn chị Nguyễn Thị Hương G.

[3]. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Hoàng D, sinh ngày 23/4/2007 cho Anh Hoàng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Giao con chung là cháu Hoàng Phương C, sinh ngày 07/5/2009 cho chị Nguyễn Thị Hương G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Công nhận Anh Hoàng C và chị Nguyễn Thị Hương G có tài sản chung có trị giá: 5.842.026.000đ (năm tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Công nhận thỏa thuận của anh C, chị G về tài sản chung mỗi người được hưởng ½ trị giá tài sản chung trị giá 2.921.013.000đ như sau:

- Giao cho Anh Hoàng C được quyền sở hữu tài sản gồm: 01 ngôi nhà hai tầng làm phòng khám mắt xây trên thửa đất của bố mẹ đẻ anh C là ông Hoàng Kim P và bà Hoàng Thị Thanh T3 tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ trị giá 274.000.000đồng và mái tôn lợp phía trước ngôi nhà hai tầng trị giá 3.600.000đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 biển kiểm soát 19A-053.30 trị giá 370.000.000đồng; đồ dùng sinh hoạt có tổng giá trị 135.000.000 đồng đang để trong ngôi nhà 05 tầng 01 tum tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ gồm: 01 bình năng lượng mặt trời, 01 bộ bàn ghế ngồi uống nước bằng gỗ hương, 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy giặt Electrolux, 01 ti vi SamSung 55inch, 03 giường ngủ bằng gỗ, 03 tủ đựng quần áo làm bằng gỗ công nghiệp, 03 bàn làm việc bằng gỗ công nghiệp, 01 kệ để ti vi, 02 quạt trần loại Panasonic; số tiền 45.501.000 đồng anh C đang quản lý là trị giá phần vốn góp toàn bộ trang thiết bị phòng khám mắt giữa anh C và anh Đô (có bảng thống kê kèm theo); số tiền 16.200.000 đồng anh C đã nhận lại sau khi phân chia tài sản với anh Đô là quầy thuốc và quầy kính mắt ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; giá trị của 9,3m² đã hợp thửa với thửa đất số 280, tờ bản đồ 36 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là 297.600.000đ; số tiền 1.779.112.000, là một phần trong số tiền 3.272.525.000 đồng bán ngôi nhà 05 tầng 01 tum xây trên hai thửa đất số 280 và thửa đất số 276, tờ bản đồ 36 tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, hiện đang do anh C quản lý.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Hương G được quyền sở hữu tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda biển kiểm soát 19A-080.55 trị giá 320.000.000 đồng và quyền sử dụng đối với thửa đất số 1243 tờ bản đồ số 36 diện tích 92,3m² tại khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trị giá 1.107.600.000 đồng.

- Anh Hoàng C phải có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch tài sản anh được sở hữu và do anh đang quản lý cho chị Nguyễn Thị Hương G tổng số tiền là

1.493.413.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc Anh Hoàng C phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Xác nhận Anh Hoàng C đã nộp xong.

Buộc chị Nguyễn Thị Hương G phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị Hương G đã nộp xong.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thanh toán tiền cho người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

6. Về nợ chung, nợ riêng và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết.

7. Về quyền lưu cư: chị Nguyễn Thị Hương G được quyền lưu cư tại nhà riêng của Anh Hoàng C ở phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

8. Về án phí:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh C đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000451 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Án phí tài sản: Anh C và chị G mỗi người phải chịu 90.420.260đ (Chín mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn hai trăm sáu mươi đồng)

- Án phí ly hôn phúc thẩm: Chị G không phải chịu theo quy định của pháp luật. Trả lại chị G số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0009854 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

T2 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì;
- TAND TP. Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương